

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHỢ GẠO
TỈNH TIỀN GIANG**

Bản án số: **300/2023/HNGĐ-ST**

Ngày: 09/06/2023

V/v “Xin ly hôn”

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ GẠO, TỈNH TIỀN GIANG
*Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Phan Thị Cẩm Tiên**.

Các Hội thẩm nhân dân:

+ Ông **Nguyễn Văn Bé**

+ Ông **Nguyễn Quốc Thuần**

- *Thư ký phiên tòa:* Bà **Nguyễn Thị Kim Thơ** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo;

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Gạo tham gia phiên tòa:* Ông **Phạm Minh Thanh** – Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 06 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân thụ lý số 210/2023/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 04 năm 2023 về việc “Xin ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 106/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 23 tháng 05 năm 2023 giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: **Nguyễn Hồng T** – sinh năm 1987; (có mặt)

Địa chỉ: ấp B, xã X, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

* Bị đơn: **Lê Ngọc H** - sinh năm: 1989; (có mặt)

Địa chỉ: ấp B, xã X, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Nguyên đơn anh **Nguyễn Hồng T** trình bày: anh và chị **Lê Ngọc H** sống chung năm 2008, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã X. Quá trình chung sống hạnh phúc thời gian đầu đến năm 2023 thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng không hợp nhau, chị H không làm tròn bổn phận làm dâu và do chán nản gia đình, anh có quan hệ tình cảm với người khác. Anh đã làm đơn xin ly hôn nhưng sau đó rút đơn để vợ chồng hàn gắn tình cảm nhưng không được. Nay nhận thấy tình cảm không còn nên anh yêu cầu ly hôn với chị H.

- Về con chung: có 01 cháu tên **Nguyễn Lê Kim A**, sinh ngày 18/06/2008, hiện đang sống với anh, ly hôn con muốn sống với ba hay mẹ do con quyết định, nếu con sống với anh thì anh không yêu cầu chị H cấp dưỡng.

- Về tài sản chung: không yêu cầu giải quyết.

- Về nợ chung, nợ riêng: không có.

* Bị đơn chị Lê Ngọc H trình bày: chị và anh T cưới nhau năm 2008, có đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống hạnh phúc đến năm 2021 thì anh T có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác nên từ đó vợ chồng xảy ra mâu thuẫn với nhau. Chị và anh T ly thân đã hai tháng nay. Chị chuẩn bị đi xuất khẩu lao động nước ngoài nên cũng muốn trong thời gian chị đi lao động, vợ chồng suy nghĩ, hàn gắn tình cảm với nhau. Nay chị còn thương chồng, thương con nên không đồng ý ly hôn.

- Về con chung: có 01 cháu tên Nguyễn Lê Kim A, sinh ngày 18/06/2008. Nếu ly hôn, con muốn sống với ba hay mẹ do con quyết định, nên con sống với chị, chị đồng ý và không yêu cầu anh T cấp dưỡng.

- Về tài sản chung: trước đây tại bản tự khai, chị có trình bày là tổng tài sản chung của vợ chồng trị giá là 281.000.000 đồng. Nếu ly hôn, chị yêu cầu anh T chia đôi tài sản chung, chia tôi số tiền 140.500.000 đồng, nay chị không yêu cầu chia tài sản chung, anh chị tự thỏa thuận.

- Về nợ chung, nợ riêng: không có.

* Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến: Việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; Thư ký, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đều tuân thủ đúng quy định pháp luật.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh Nguyễn Hồng T. Về tình cảm: anh T được ly hôn với chị H. Về con chung: giao cháu Nguyễn Lê Kim A, sinh ngày 18/06/2008 cho anh T tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc, chị H không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản chung: không yêu cầu giải quyết. Nợ chung, nợ riêng: không có nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Qua nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra cũng như tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: anh Nguyễn Hồng T và chị Lê Ngọc H sống chung năm 2008 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã X, huyện C. Nay anh T yêu cầu ly hôn với chị H và chị H hiện cư trú trên địa bàn huyện Chợ Gạo nên vụ án này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung đơn yêu cầu ly hôn của anh Nguyễn Hồng T, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[2.1] Về tình cảm: anh T yêu cầu ly hôn với chị H. Nguyên nhân ly hôn anh T trình bày là do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng không hợp nhau, chị H không làm tròn bổn phận làm dâu và anh có quan hệ tình cảm với người khác. Chị H không đồng ý ly hôn vì anh T có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác nên từ đó vợ chồng xảy ra mâu thuẫn với nhau, chị xin đoàn tụ vì còn thương chồng, thương con. Hội đồng xét xử thấy rằng anh T và chị H hiện đã ly thân, không còn sống chung nữa. Chị H trình bày còn thương chồng nhưng cả hai anh chị không có biện pháp nào để hàn gắn tình cảm với nhau và chị H chuẩn bị đi xuất khẩu lao động ở

nước ngoài, điều này chứng tỏ anh chị không còn thiết tha gì đến tình cảm vợ chồng cũng như xây dựng hạnh phúc gia đình. Do đó đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, anh T, chị H không thể cùng chung sống để xây dựng gia đình hạnh phúc nên anh T yêu cầu ly hôn với chị H là có căn cứ chấp nhận.

[2.2] Về con chung: có 01 cháu tên Nguyễn Lê Kim A, sinh ngày 18/06/2008 hiện đang sống với anh T. Xét thấy cháu A hiện đang sống ổn định với anh T và tại bản tự khai, cháu A trình bày là có nguyện vọng sống với ba khi ba mẹ ly hôn. Do đó, để đảm bảo cho cháu có cuộc sống tốt, phát triển về thể chất lẫn tâm sinh lý nên Hội đồng xét xử tiếp tục giao cháu A cho anh Tân chăm sóc và nuôi dưỡng.

[2.3] Về vấn đề cấp dưỡng: anh T không yêu cầu nên chị H không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

[2.4] Về tài sản chung: anh T, chị H trình bày không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.5] Về nợ chung, nợ riêng: anh T, chị H trình bày không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Xét ý kiến đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát phù hợp nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận đề nghị của Viện kiểm sát.

[4] Về án phí: anh T phải chịu án phí theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng các khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Áp dụng Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình;

- Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Xử: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh Nguyễn Hồng T.

- Về tình cảm: Anh Nguyễn Hồng T được ly hôn với chị Lê Ngọc H.

- Về con chung: Giao cháu Nguyễn Lê Kim A, sinh ngày 18/06/2008 cho anh Nguyễn Hồng T tiếp tục chăm sóc và nuôi dưỡng. Chị Lê Ngọc H không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Không ai được quyền ngăn cản việc thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung sau khi ly hôn.

- Về án phí: Anh Nguyễn Hồng T phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số 0025888 ngày 13/04/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chợ Gạo nên anh đã nộp xong.

Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tòa tuyên án.

Trường hợp bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án Dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

*** Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện Chợ Gạo;
- Chi cục THADS huyện Chợ Gạo;
- UBND xã X;
- Đường sự;
- Lưu hồ sơ, án văn;

(Đã ký và đóng dấu)

Phan Thị Cẩm Tiên